

## LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

### QUYỂN 51

#### Chương 3: **KIÊN-ĐỘ TRÍ**

##### Phẩm 2: **THA TÂM TRÍ**, Phần 3

Có trí tự tánh niệm sinh.

Hỏi: Thể tánh của trí tự tánh niệm sinh là gì?

Đáp: Thể tánh là tuệ. Vì sức của niệm nhiều trong nhóm tâm kia nên gọi là trí niệm sinh. Như niệm xứ, niệm hơi thở ra vào trừ sắc tướng cũng giống như thế. Đây là thể tánh của trí tự tánh niệm sinh, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh, về lý do nay sẽ nói:

Hỏi: Vì sao gọi là trí tự tánh niệm sinh?

Đáp: Vì sinh mà được trí này, nên gọi là trí tự tánh niệm sinh.

Lại nữa, trụ trong tánh của tâm thiện, tánh của tâm bất thiện, tánh của tâm vô ký thì có thể biết, nên gọi là trí tự tánh niệm sinh.

Lại nữa, pháp quá khứ đã từng trải không đổi thay, nên gọi là tự tánh. Vì có thể biết pháp này, nên gọi là Trí tự tánh niệm sinh.

Hỏi: Gây ra nghiệp nào mà được trí ấy?

Đáp: Hoặc có người nói: Thường xuyên vì chúng sinh nói lời nói hoan hỷ, dễ nghe. Nghiệp đó có thể phát sinh báo như thế.

Lại có người nói: Nếu sửa sang chỗ nhỏ hẹp cho rộng rãi. Do nghiệp ấy, nên dù ở trong thai mẹ cũng không cảm thấy chật hẹp, ép ngặt. Vì nghiệp này nên có thể sinh báo ấy.

Lại có người nói: Nếu có người nào dùng thức ăn uống ngon ngọt đem cho người khác, thì nghiệp đó sẽ được báo như vậy.

**Lời bình:** Nên nói như thế này: Đây là báo của nghiệp không nào hại người khác. Nếu chúng sinh không gây ra nghiệp nào hại người khác, thì khi ở trong thai mẹ sẽ được rộng rãi, không bị khốn khổ do máu, mủ và các chứng bệnh như phong, nóng, lạnh. Nếu khi xuất thai

cũng không bị ép ngặt do sự sanh tử nở.

Do việc này nên không quên tất cả chúng sinh là đối tượng nhớ lại. Nếu không bị ép ngặt ở cửa sinh nở, thì đều có trí nhớ lại đời trước. Nếu bị việc sinh nở ép ngặt, thì đều mất đối tượng nhớ lại.

Hỏi: Trí niệm sinh vào lúc đầu tiên là vượt hơn, hay là thời gian giữa, thời gian sau là vượt hơn?

Đáp: Hoặc có sự nhớ lại vào các thời gian đầu, giữa, sau đều tốt đẹp hơn. Hoặc có người nhớ lại, lúc đầu là khéo hơn, như Thi-bà-la, v.v... lúc mới sinh đã nói: Trong nhà này có vô số những thứ của cải và lúa gạo, có thể lấy đem cho người nghèo khổ được không?

Hoặc có người vào thời gian giữa là tốt hơn, như Lại-trá-ba-la, v.v... Hoặc có người vào thời gian sau là tốt hơn như Am-ma-la-trá, v.v...

Hỏi: Trí niệm sinh là niệm bao nhiêu lần sinh?

Đáp: Hoặc có người nói: Niệm một lần sinh.

Lại có người nói: Niệm hai lần sinh, cho đến bảy lần sinh:

Nghe nói trong thành Vương xá có con của người giết mổ tên Già- trá, là bạn thân của vua A-xà-thế lúc còn bé, nói với A-xà-thế rằng: Này Thái tử! Nếu khi lên ngôi vua, ông sẽ làm việc thiện nào cho ta?

A-xà-thế đáp: Ta sẽ cho người những gì tâm người mong muốn!

Khi A-xà-thế đã hại mạng cha mình để lên ngôi vua, thì Già-trá, con người giết mổ đến chỗ vua, tâu: Muôn tâu đại vương! Ngày trước đại vương đã hứa cho tôi điều ước muốn, nay là đúng lúc!

Nhà vua đáp: Tùy ý người cầu xin? Bấy giờ, Già-trá, con người giết mổ bèn nói lên tâm nguyện của mình: Đại vương hãy lệnh cho mỗi mình tôi được hành nghề giết mổ ngay trong thành Vương Xá, không cho người khác!

Nhà vua đáp: Nay người đâu cần phải làm nghề tội ác này! Người hãy cầu xin điều khác! Lúc ấy, Già-trá lại tâu với vua: Các nghiệp thiện, ác đều không có quả báo! Vua nói: Người biết gì mà nói lời này? Già-trá đáp: Đại vương nên biết! Tôi nhớ đã ở thành Vương-xá này trong bảy đời, thường làm nghề giết dê bán thịt để sinh sống, khi chết được sinh lên tầng trời Ba mươi ba, khi nghe lời này, vua A-xà-thế rất đỗi ngạc nhiên, hoài nghi, liền đem việc ấy đến bạch lên Đức Phật!

Phật bảo nhà vua: Như lời Già-trá đã nói là đúng, không có gì khác! Người này đã thí thức ăn cho vị Bích-chi Phật, phát khởi nguyện tà vạy: Mong sao cho tôi được ở trong thành Vương Xá, một mình thường làm việc giết mổ dê lấy thịt đem bán. Vì nghiệp nhân này nên ông ta

đã bảy lần sinh vào cõi người, bảy lần sinh lên cõi trời. Hiện nay quả báo của thân nghiệp này đã hết, tức bảy ngày sau, chết đi sẽ đọa vào địa ngục Lô lạc.

Do việc ấy nên biết, có thể trí niệm sinh nhớ lại trong bảy đời.

Lại có người nói: Có thể nhớ lại các việc trong năm trăm đời:

Nghe nói: Có một Tỳ-kheo tự nhớ lại, suốt năm trăm năm đời theo thứ lớp thường đọa vào loài ngựa quỳ. Hoặc nhớ lại lúc chịu mọi khổ sở đói khát trong quá khứ, tức đối với các hữu sinh ra tưởng khổ, dứt tất cả duyên, một mình siêng năng tinh tiến tu hành, được quả vị Tu-đà-hoàn, nghĩ rằng: Ta thường được các vật cần dùng của các Tỳ-kheo, khiến ta hành đạo. Nay ta phải lại cầu xin phẩm vật cần dùng để ban cho các Tỳ-kheo! Liên thực hành khuyến hóa.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với vị Tỳ-kheo này: Trước kia ông lưỡi biếng, nay vì sao lại siêng năng thực hành giáo hóa?

Vị Tỳ-kheo này liền hướng về các vị Tỳ-kheo kia nói rộng việc trên.

Do việc này nên biết Trí niệm sinh có thể nhớ lại các việc của năm trăm đời!

Lại có một Tỳ-kheo, tự nhớ lại năm trăm đời của mình, theo thứ lớp sinh trong địa ngục. Hoặc nhớ lại những lúc chịu khổ địa ngục thì khắp lỗ chân lông trên thân, máu chảy ra làm dơ thân và y, nên hằng ngày xuống sông tắm gội, giặt y, siêng năng tu hành tinh tiến, được quả A-la-hán, không còn tắm gội, giặt y nữa. Bấy giờ các Tỳ-kheo bèn bảo vị này: Ông thường tắm gội, giặt y, lấy nước làm sạch, sao nay lại không dùng nữa? Tỳ-kheo này nói rộng việc ấy cho các Tỳ-kheo nghe, tức nhớ lại việc của năm trăm đời như thế.

Lại có người nhớ lại về thời kỳ thế giới mới thành lập. Nghe nói:

Có vua Chiên-đà-la tên là Đa-la dương khư, giỏi chú thuật và hiểu các luận. Có người con tên Xa-đầu-la, dung mạo khôi ngô. Vào thời ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang là Bà-la-môn, tên là Phất-già-la-bà-la, hiểu các Bà Đà và Bà Đà phân, kinh có người con gái tên là Ba-sí-đa.

Bấy giờ, vua Chiên-đà-la đến chỗ Phất-già-la-bà-la, nói rằng: Ông hãy cho con gái mình về làm vợ con trai tôi.

Bà-la-môn Phất-già-la-bà-la liền sinh tức giận, nói: Đối với bốn dòng họ lớn, ông thuộc hạng thấp kém. Còn trong bốn dòng họ lớn, ta thuộc hàng tôn quý. Cớ gì ông bảo con gái tôi làm vợ con trai ông?

Lúc ấy, vua Chiên-đà-la nói với Bà-la-môn: Tôn ty của tộc họ không có cố định. Ông có nghe nói ai là người soạn Phạm thư chưa?

Vị Bà-la-môn đáp: Tôi nghe đó là do Bà-la-môn Cù-tần-đà-la soạn.

Lại hỏi: Ai là người soạn ra sách Khư-lô-trá?

Vị Bà-la-môn đáp: Tôi nghe đó là do vị tiên Khư-lô-trá soạn.

Lại hỏi: Ai soạn Bì Đà và Bì Đà Phần kinh? Đáp: Đó là do các Đại Bà-la-môn. v.v... xưa kia đã soạn ra.

Bấy giờ, vua Chiên-đà-la bèn nói: Như vậy tất cả là do những con người từ xa xưa tạo ra, họ đều là thân ta!

Lúc này, vị Bà-la-môn nghe nói như thế, liền sinh tâm vui mừng, đồng ý cho con gái mình làm vợ con trai ông ta. Nhớ lại việc ở thời kỳ thế giới mới thành lập là như thế.

Kinh nói: Phật bảo ông chủ thôn: Ta tự nhớ lại chín mươi một kiếp trở lại đây, không hề vì sự ăn uống mà khởi nghiệp ác thân miệng ý.

Hỏi: Phật vì dùng trí nhớ lại đời trước hay dùng trí tự tánh niệm sinh mà nhớ lại những việc như vậy? Nếu dùng trí nhớ lại đời trước để biết, thì tại sao chỉ nhớ lại chín mươi một kiếp mà không nhiều hơn? Còn nếu dùng trí tự tánh niệm sinh để biết, thì tại sao chỉ nói nhớ lại bảy đời, hoặc năm trăm đời, cho đến nhớ lại thế giới khi mới thành lập mà không nói nhớ lại chín mươi một kiếp?

Đáp: Nên nói rằng: Phật dùng trí nhớ lại đời trước để biết.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao chỉ nói chín mươi một kiếp mà không nói nhiều hơn?

Tôn giả Ba-xa nói: Nếu nói một trăm kiếp, thì cũng sinh hoài nghi này nên chỉ nói chín mươi một kiếp để không trái với pháp tướng.

Lại nữa, trong chín mươi một kiếp, có bảy vị Phật ra đời.

Lại nữa, từ đó về sau đều là gieo trồng nghiệp tướng tốt.

Lại có người nói: Do trí tự tánh niệm sinh mà biết.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao lại nói trí tự tánh niệm sinh nhớ lại bảy đời, hoặc năm trăm năm đời, cho đến thời kỳ kiếp thành mà không nói chín mươi một kiếp?

Đáp: Người khác thì như thế, còn Đức Phật thì biết nhiều.

Hỏi: Trí tự tánh niệm sinh là nhớ lại lúc trung hữu phải không?

Đáp: Hoặc có người nói: Không biết! Vì sao? Vì Trung Hữu là vi tế, chẳng phải cảnh giới của trí tự tánh niệm sinh.

**Lời bình:** Nên nói rằng: Nhớ lại Trung hữu. Vì sao? Vì nếu không nhớ lại, thì đối với đời trước sẽ nhớ lại phần ít, hoặc không nhớ lại phần ít.

Hỏi: Thời kỳ tiền thân của Bồ-tát, có trí tự tánh niệm sinh. Lúc

thân sau cùng là có hay không? Nếu có, thì sao sức của duyên tốt đẹp hơn sức của nhân? Nếu không có, thì Bồ-tát làm sao chuyển biến suy thoái?

Đáp: Nên nói rằng: Thân sau cùng là có.

Hỏi: Nếu vậy thì sức của duyên bên ngoài ở hiện tại làm sao lại tốt đẹp hơn sức của nhân bên trong ở quá khứ?

Đáp: Không vì chẳng có sức của duyên bên ngoài, nên mới gọi là sức của nhân bên trong. Vì căn cơ nhạy bén nên gọi là sức của nhân bên trong. Đối với tất cả chúng sinh, căn cơ nhạy bén của Bồ-tát là khéo hơn hết.

Ai nói như vậy: Thân sau cùng của Bồ-tát không có sức của duyên bên ngoài. Chư Thiên ở tầng trời Tịnh Cư, vì hiện bày khổ của già, bệnh chết cũng nhân nơi vương nữ Di-già-thích, vì khen ngợi Niết-bàn mà nói, như bài kệ:

*Dùng an vui làm mẹ  
Dùng không lo làm cha  
Dùng tĩnh lặng làm vợ  
Không lâu, ông sẽ được!*

Thấy nghe các việc này, tâm cảm thấy nhàm chán, lo âu, sau đó xuất gia. Chư Phật quá khứ cũng vì Bồ-tát mà nói đạo, điều đủ các pháp. Như thế, v.v... há chẳng phải sức của duyên bên ngoài?

Lại có thuyết nói: Thân sau cùng là không.

Hỏi: Nếu vậy Bồ-tát làm sao chuyển biến suy thoái?

Đáp: Mặc dù Bồ-tát không có trí này, nhưng vẫn có trí nhớ lại việc đời trước tốt đẹp. Đó là nguyện trí.

Thế nào là thời tâm giải thoát? Tâm bất động giải thoát là thế nào?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là Kinh Phật. Kinh Phật nói: Phật bảo A-nan: Tỳ-kheo không nên ưa đám nhóm họp luận bàn các thứ. Vì sao? Vì nếu ưa đám nhóm họp, luận bàn các thứ mà muốn cầu thân chứng, thời tâm giải thoát, tâm bất động giải thoát thì không có việc ấy! Nếu Tỳ-kheo không ưa đám, nhóm họp, luận bàn các thứ mà muốn cầu thân chứng, thời tâm giải thoát, tâm bất động giải thoát thì có việc ấy.

Kinh Phật dù nói như thế nhưng không phân biệt rộng: Thế nào là thể tánh của giải thoát? Được giải thoát ấy là sao? Phần Kiên-độ Căn, tuy nói đấng hai pháp giải thoát này, nhưng lại không nói về thể tánh của chúng. Nay muốn nói đến thể tánh của hai giải thoát kia nên soạn luận

này.

Lại có người nói: Sở dĩ soạn luận là vì: Hoặc có thuyết nói thời tâm giải thoát là hữu lậu, phi thời tâm giải thoát là vô lậu.

Vì muốn ngăn ý của thuyết vừa nói, cũng nói hai pháp giải thoát này là vô lậu.

Lại có thuyết nói: Sở dĩ soạn luận này là vì: Hoặc có thuyết cho: Thời tâm giải thoát là hữu vi, phi thời tâm giải thoát là vô vi.

Vì để ngăn ý của thuyết vừa nói, đồng thời cũng để làm sáng tỏ hai pháp giải thoát đều là hữu vi.

Lại có người nói: Sở dĩ soạn luận này là vì: Như có người nói rằng: Thời tâm giải thoát là Học, phi thời tâm giải thoát là Vô học. Vì sao? Vì thời tâm giải thoát có chỗ tạo tác, phi thời tâm giải thoát không có chỗ tạo tác.

Vì muốn ngăn chặn ý của các thuyết như đã nói, cũng nói hai giải thoát ấy đều là Vô học, nên soạn luận này.

Đối với tất cả pháp hữu vi, vô vi, thể tánh của hai pháp giải thoát này trong pháp hữu vi là giải thoát nơi đại địa, trong pháp vô vi là số diệt.

Giải thoát trong đại địa có hai thứ: Nhiễm ô và không nhiễm ô. Nhiễm ô là tà giải thoát, không nhiễm ô là chánh giải thoát. Chánh giải thoát lại có hai thứ: hữu lậu, vô lậu.

Hữu lậu, nghĩa là tương ứng với Vô lượng bất tịnh, vô lậu nghĩa là Học, Vô học. Học: Tương ứng với khổ pháp nhẫn, cho đến định Kim cương dụ. Vô học: Là A-la-hán. A-la-hán có hai hạng: Thời tâm giải thoát và phi thời tâm giải thoát.

Thời tâm giải thoát: Là năm loại A-la-hán.

Phi thời tâm giải thoát: Là một loại A-la-hán.

Hai loại A-la-hán này, lìa dục, được vô dục là tâm giải thoát, lìa vô minh là tuệ giải thoát.

Hỏi: Nếu lìa dục, đắc vô dục là tâm giải thoát, lìa vô minh là tuệ giải thoát, thì như Kinh Tập Pháp nói làm sao hiểu được? Như nói: Thế nào là thời tâm giải thoát? Đáp: Là căn thiện không tham, đối trị với tham. Phi thời tâm giải thoát là sao? Đáp: Là căn thiện không si, đối trị với si!

Cũng thế, giải thoát là tánh của căn thiện phải chăng?

Đáp: Văn kinh Tập Pháp nên nói rằng: Thế nào là Thời tâm giải thoát? Đáp: Là nói pháp giải thoát tương ứng với căn thiện không tham. Thế nào là Phi thời tâm giải thoát? Đáp: Là nói pháp giải thoát tương

ứng với căn thiện không si.

Vấn này nên nói như thế, nhưng không nói là có ý gì?

Đáp: Hoặc vì hữu vi không tham mà dứt trừ tâm tham. Hoặc vì hữu vi không si, nên dứt trừ tâm si, cho nên nói như thế.

Hỏi: Vì sao gọi là Thời giải thoát?

Đáp: Vì chờ đợi thời gian để được nên gọi là thời. Chờ đợi thời gian nghĩa là: Đợi ở sáu thời. Sáu thời: là y phục, thức ăn uống, giường nằm, nói pháp, nơi chốn, con người. Đợi y phục nghĩa là: Được y phục mềm mỏng, tốt đẹp thì có thể được giải thoát, không có thì không được giải thoát. Đợi thức ăn uống nghĩa là: Nếu được các thức ăn ngon như: Tô, mật, thịt v.v..., thì có thể được giải thoát, không được thì không giải thoát. Đợi giường nằm, nghĩa là: Hoặc được dụng cụ nằm đây, mềm mại thì được giải thoát, không có thì không được giải thoát. Đợi nói pháp, nghĩa là: Nếu được nghe phương tiện tốt do người nói pháp đã nói thì có thể được giải thoát, không được nghe thì sẽ không được giải thoát. Đợi nơi chốn, nghĩa là nếu ở chốn kia vắng lặng, không có các thứ ồn ào, thì được giải thoát. Nếu không vắng lặng, sẽ không được giải thoát. Đợi con người, nghĩa là: Nếu gặp được người tánh thiện, dễ ở chung, đồng ở chung thì có thể được giải thoát, không được thì không giải thoát.

Hỏi: Vì sao gọi là phi Thời giải thoát?

Đáp: Vì không đợi thời gian để được giải thoát, nên gọi là phi Thời giải thoát. Không đợi thời, nghĩa là không đợi sáu thời gian: y phục, thức ăn uống, giường nằm, nói pháp, nơi chốn, con người, v.v...

Không đợi thời y: nghĩa là: Mặc y phục phẩn tảo, có thể tu pháp thiện hơn hẳn Thời giải thoát mặc y phục quý giá!

Không đợi thực thời: nghĩa là: Dù ăn uống thô sơ, kém dở mà có thể tu đạo hơn hẳn Thời giải thoát ăn uống nhiều thức ăn ngon.

Không đợi đồ nằm, ngồi thích hợp, nghĩa là: Ngồi trên tảng đá mà tu đạo, hơn hẳn Thời giải thoát ngồi trên tòa cao, êm ái.

Không đợi thời nói pháp, nghĩa là: Nếu không có phương tiện được nghe người nói pháp nói cũng có thể nhanh chóng nhập thiền định.

Không đợi phương hướng thích hợp, nghĩa là: Nếu ở phương kia có nhiều âm thanh ồn ào thì cũng nhanh chóng nhập định.

Không đợi người thích hợp, nghĩa là: Nếu gặp phải người tánh ác khó ở chung mà cùng ở chung thì cũng nhanh chóng nhập định.

Lại nữa, vì đạo nhỏ hẹp mà được pháp này, nên gọi là Thời giải thoát.

Hỏi: Đạo nhỏ hẹp là sao?

Đáp: Hoặc ở trong một thân có thể gieo trồng căn thiện, thân thứ hai thành thực, thân thứ ba được giải thoát. Nếu chẳng phải đạo nhỏ hẹp mà được thì gọi là phi Thời giải thoát.

Không phải đạo nhỏ hẹp là sao? Hoặc có người tu phương tiện trong sáu mươi kiếp, như Tôn giả Xá-lợi-phất, hoặc có người tu phương tiện trong trăm kiếp, như Bích-chi Phật. Hoặc có người tu phương tiện trong ba A-tăng-kỳ kiếp, như Phật, Thế tôn.

Lại nữa, vì đạo yếu kém mà được, nên gọi là Thời giải thoát. Đạo yếu kém là sao? Đối với pháp thiện kia, không thường tu, không tu liên tục, không tu trong mọi thời gian. Nếu tu ở phần đầu trong ngày, còn phần thời gian giữa, thời gian sau thì không tu. Nếu ở vào đầu hôm tu, nửa đêm, gần sáng không tu. Trái với ở trên gọi là phi Thời giải thoát.

Lại nữa, do đạo nhiều định mà được, gọi là Thời giải thoát. Do đạo nhiều tuệ đạt được, gọi là phi Thời giải thoát.

Lại nữa, nếu hành giả vì các việc vừa ý, không vừa ý, lợi ích, không lợi ích, khổ, vui cần có đủ để tạo ra chướng ngại, gọi là Thời giải thoát. Trái với ở trên gọi là phi Thời giải thoát.

Thời giải thoát là năm loại A-la-hán. Phi Thời giải thoát là một loại A-la-hán pháp bất động.

Hỏi: Vì sao năm loại A-la-hán là Thời giải thoát?

Đáp: Vì đều có sự vượt hơn nên năm loại A-la-hán là Thời giải thoát. Vì con người chiếm đa số, nên một loại A-la-hán pháp bất động là phi Thời giải thoát. Vì hợp với đạo ba thừa, cũng có nghĩa bình nhau, đều tồn tại, không có lỗi, vì sinh trong thân thanh tịnh.

Lại nữa, vì người thuộc phẩm hạ nhiều, nên năm loại A-la-hán được gọi là Thời giải thoát. Vì người thuộc phẩm thượng ít, nên một loại A-la-hán của pháp bất động được gọi là Phi Thời giải thoát. Như vua thế gian hiện nay số Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ thì rất ít, còn số người thấp kém thì rất nhiều.

Cũng thế Bích-chi Phật, Thanh văn được Ba-la-mật rất ít, A-la-hán Thời giải thoát rất nhiều.

Lại nữa, vì dễ được dễ khởi, nên năm loại A-la-hán là Thời giải thoát. Vì khó được, khó khởi, nên chỉ một loại A-la-hán pháp bất động là Phi Thời giải thoát.

Như người đời nay, số người đi đến nước Sư Tử vương và nước Chân-Đơn, người trở lại rất ít. Nếu người từ thôn này đến thôn kia rồi quay lại thì rất nhiều. Thời giải thoát và Phi Thời giải thoát kia cũng giống như thế.

Lại nữa, pháp Thời giải thoát không dụng công nhiều, không có chỗ tạo tác mà được nên năm loại A-la-hán được gọi là Thời giải thoát. Pháp Phi Thời giải thoát dụng công nhiều, vì có nhiều chỗ tạo tác mà được nên chỉ một loại A-la-hán của pháp bất động gọi là Phi Thời giải thoát.

Lại nữa, vì pháp của Thời giải thoát có thêm, có bớt, nên năm loại A-la-hán được gọi là Thời giải thoát. Thêm là tiến tới tốt đẹp, bớt là lùi sụt. Phi Thời giải thoát vì không có thêm, bớt, nên chỉ một loại A-la-hán của pháp bất động là Phi Thời giải thoát. Không có thêm là không có tiến tới sự tốt đẹp, không có bớt là không lùi lại.

Như nói Thời giải thoát là pháp ái.

Hỏi: Vì sao Thời giải thoát là pháp ái?

Đáp: Như kinh này nói: A-la-hán Thời giải thoát gìn giữ, quý trọng pháp này, khiến ta không bị lui sụt đối với pháp đó. Ví như người chỉ có một mắt, bà con của nhà người ấy đều bảo vệ không để cho lạnh, nóng, gió, bụi làm hư hoại. Thời giải thoát kia cũng giống như thế.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát không được tự tại đối với giải thoát, cần dụng công nhiều, mới hiện ở trước. Vì khởi hiện ở trước nên tâm sinh vui mừng gọi là pháp ái. Phi Thời giải thoát được tự tại đối với giải thoát, không dụng công nhiều mà hiện ra ở trước. Vì khởi ở hiện tại, tâm không sinh vui mừng, không gọi là pháp ái.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát có lui sụt. Vì sợ lui sụt nên thường khởi sự giải thoát hiện ở trước. A-la-hán phi Thời giải thoát không có pháp lui sụt, nên không thường khởi sự giải thoát hiện ở trước.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, vì được nhiều người yêu, mến tin theo, nên gọi là pháp ái. Trái với pháp này, gọi là pháp không ái.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, vì in nhiều mà được đạo nên gọi là pháp ái. A-la-hán Phi Thời giải thoát, vì tuệ nhiều được đạo, nên gọi là pháp không ái.

Lại nữa, A-la-hán Phi Thời giải thoát có căn thiện không ưa Thánh đạo, như tam-muội Không, vô nguyện, vô nguyện, vô tướng, vô tướng. Vì căn thiện này không ưa Thánh đạo, nên không yêu mến pháp này. A-la-hán Thời giải thoát, vì không có căn thiện này, nên yêu mến gìn giữ pháp này. Kinh gốc tuy không nói nhưng về nghĩa thì nên như thế.

Hỏi: Vì sao A-la-hán Phi Thời giải thoát gọi là pháp bất động?

Đáp: Do tốt đẹp hơn hết. Ví như thế gian hiện nay là nơi chốn tồn tại tất cả các tốt đẹp vượt trội như các thức ăn uống, y phục, chuỗi ngọc v.v... đều không lay động tâm người giận dữ. A-la-hán pháp bất

động

phi Thời giải thoát kia cũng thế.

Lại nữa, phiền não có thể khiến tâm người lay động, có thể khiến tâm người sinh khởi mê đắm, vì sự cấu uế ở trong tâm thiện. Vì không có thể lực của tâm thiện kia, nên không được tự tại, gọi là bất động.

Lại nữa, đã dứt trừ phiền não, không còn lui sụt, nên gọi là bất động. Như người bắn cung giỏi, bắn trúng ngay mục tiêu, gọi là bất động. A-la-hán pháp bất động Phi Thời giải thoát kia cũng giống như thế.

Như Kinh nói: Phật bảo Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni có pháp giải thoát bất động là chuỗi ngọc báu, thì sẽ dứt được pháp bất thiện, tu pháp thiện.

Hỏi: Vì sao giải thoát bất động được gọi là pháp chuỗi ngọc báu?

Đáp: Vì vững chắc, tốt đẹp, vì không có lỗi, vì nhẹ nhàng, vì không có vết nhơ, vì trong sạch, vì khó được, nên gọi là chuỗi ngọc báu.

Lại nữa, ví như trong suối, ao, nếu ta bỏ viên ngọc báu xuống ao, thì nước ấy sẽ không, còn cấu đục xen lẫn. Nếu trong thân người có chuỗi ngọc báu giải thoát bất động, thì sẽ không có phiền não cấu uế xen lẫn. Pháp giải thoát bất động kia cũng giống như thế.

Lại nữa, như trong nhà người có ngọc báu Ma-ni thì sẽ không tối tăm. Nếu trong thân người có ngọc báu của pháp bất động thì sẽ không có vô minh tăm tối. Pháp giải thoát bất động kia cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu chỗ nào có đặt viên ngọc Phương Bảo, thì nơi đó được yên ổn, không lộn xộn. Cũng vậy, nếu trong thân người có ngọc Phương Bảo giải thoát bất động, thì tâm người đó bất động.

Lại nữa, như trong nhà người có ngọc báu vô giá, thì nhà người đó hoàn toàn sẽ không còn khổ sở nghèo cùng. Cũng vậy, nếu trong thân người có ngọc báu bất động, thì người ấy sẽ dứt trừ hẳn nghèo khổ về Thánh đạo.

Lại nữa, ví như đặt trên đầu lá cờ hiệu viên ngọc báu như ý, thì tùy theo ý niệm của con người, vô số các thứ của báu, sẽ rải xuống như mưa làm cho trăm ngàn chúng sinh, đều lìa khổ nghèo cùng. Đức Phật, Thế tôn cũng thế, dùng viên ngọc báu bất động đặt yên trên lá cờ hiệu bốn Vô lượng, tùy theo ý nghĩ của chúng sinh, sẽ có mưa xuống các thứ pháp bảo, sẽ dứt bỏ khổ nghèo cùng của chúng sinh về chánh pháp.

Hỏi: Nếu tâm bất động giải thoát là pháp tốt đẹp, thì vì sao kinh lại nói là pháp không thêm, không bớt?

Đáp: Vì hành giả cùng được pháp này. Nếu đầy ở phương Đông thì sẽ có con của hàng Sát-lợi. Nếu đầy ở phương Nam thì sẽ có con của

hàng Bà-la-môn, nếu đây ở phương Tây thì sẽ có con của hàng Cư sĩ. Nếu đây ở phương Bắc thì sẽ có con của hàng Thủ-đà, đều cạo bỏ râu tóc, thân mặc pháp phục, tin nhà chẳng phải nhà, đối với chánh pháp đều xuất gia, đều được thân chứng tâm bất động giải thoát, nhưng pháp giải thoát này không có thêm, bớt.

Lại nữa, vì muốn nói lên pháp Phật có nhiều cửa cải, châu báu. Pháp Phật ngoại trừ tâm bất động giải thoát còn có Vô lượng công đức pháp thiện khác. Tâm bất động giải thoát chỉ là một pháp.

Lại nữa, vì muốn nói lên trong thân Như lai có Vô lượng công đức, trừ tâm bất động giải thoát còn có Vô lượng công đức lành khác, tâm bất động giải thoát chỉ là một pháp!

Lại nữa, vì muốn cho người nghi được quyết định. Như kinh nói: Tôn giả Mục-kiền-liên quyết định khai trừ Tỳ-kheo Chiêm-Bà ra khỏi tăng chúng, hầu hết các Tỳ-kheo đều nghi: nay chúng tăng giảm ít. Đức Phật nói: Nếu đệ tử ta đã được tâm bất động giải thoát sâu xa thắng diệu thì đối với kẻ bị đuổi ra khỏi tăng không thể làm cho tăng có thêm, có bớt, huống chi Tỳ-kheo kia đã phạm giới và các oai nghi, xa lìa pháp bạch tịnh há có thể khiến cho tăng chúng có thêm, có bớt hay sao?

Lại nữa, pháp giải thoát này là pháp không tăng, không bớt. Không thêm là không có thắng tiến. Không bớt, là không có lui sụt, mất mát.

Trong bất cứ lúc nào, tâm giải thoát đều tương ứng với tận trí?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn tạo cho người ngờ vực có được sự quyết định. A-la-hán Thời giải thoát tu hai thứ tuệ: tận trí và chánh kiến Vô học, A-la-hán Phi Thời giải thoát tu ba thứ tuệ là tận trí, trí vô sinh và chánh kiến Vô học. Hoặc nói: Như A-la-hán Thời giải thoát tu hai thứ tuệ, người Phi Thời giải thoát cũng vậy.

Như A-la-hán Phi Thời giải thoát tu ba thứ tuệ, Thời giải thoát cũng vậy.

Vì muốn nói một cách quyết định, Thời giải thoát tu hai thứ tuệ, Phi Thời giải thoát tu ba thứ tuệ, nên soạn luận này.

Các Thời giải thoát đều tương ứng với tận trí phải chăng? Nói rộng thành bốn trường hợp:

Như Kinh này nói: Tận trí là A-la-hán Thời giải thoát. Trong khoảng một sát-na, Định Kim cương dụ hiện ở trước. Tận trí nối tiếp thứ lớp khởi hiện ở trước. Từ tận trí khởi, hoặc khởi chánh kiến Vô học, hoặc khởi tâm thế tục.

Định Kim cương dụ của A-la-hán Phi Thời giải thoát, tận trí đều

---

có khoảng một sát-na hiện ở trước.

Theo thứ lớp nối tiếp nhau khởi trí vô sinh hiện ở trước. Từ Trí vô sinh khởi, hoặc khởi chánh kiến Vô học, hoặc khởi tâm thế tục.

Tất cả A-la-hán đều tu chánh kiến Vô học, không hẳn là đều khởi hiện ở trước!

Hỏi: Có gì khác nhau giữa tận trí, trí vô sinh hay không?

Đáp: Hoặc có người nói: Tên gọi khác nhau, đó gọi là tận trí, đó gọi là Trí vô sinh.

Lại nữa, công việc đã làm xong gọi là tận trí. Từ nhân Vô học sinh gọi là Trí vô sinh.

Lại nữa, hoặc không hề được mà được, hoặc từng được mà được, gọi là tận trí. Chưa từng được mà được, gọi là Trí vô sinh.

Lại nữa, đạo giải thoát thuộc về đạo thắng tiến, được gọi là tận trí, chỉ thuộc về đạo thắng tiến, gọi là Trí vô sinh.

Lại nữa, Tận trí có năm loại A-la-hán. Trí vô sinh có một loại A-la-hán, là tâm bất động giải thoát. Đó là sự khác nhau giữa tận trí, trí vô sinh.

Hỏi: Tận trí ban đầu là trí nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Là khổ tử trí. Vì sao? Vì hành giả lúc mới nhập vào Thánh đạo, quán quả, khi xuất cũng quán quả. Như dùng mũi tên tẩm thuốc độc bắn thú, thuốc độc sẽ ngấm khắp thân. Về sau, nếu thú chết, hơi độc sẽ đọng trở lại ở lỗ ung nhọt. Khổ tử trí kia cũng giống như thế.

Lại có người nói: Là tập tử trí. Vì sao? Vì khi hành giả nhập Thánh đạo, quán quả, lúc xuất Thánh đạo, quán nhân. Cũng thế, pháp sinh tử hoặc là nhân, hoặc là quả. Nếu biết nhân, biết quả thì đạo sinh tử sẽ dứt, gọi là bờ mé khổ.

**Lời bình:** Nên nói rằng: Là khổ tử trí, tập tử trí. Nếu là khổ tử trí thì chẳng phải tập tử trí, nếu là tập tử trí thì chẳng phải khổ tử trí.

\* \* \* \* \*